**BẢN TỔNG HỢP CÁC TÀI LIỆU VỀ CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA MỘT DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC**

**Tổng hợp các tài liệu về các tiêu chí đánh giá hoạt động của một doanh nghiệp nhà nước**

 **THEO THÔNG TƯ 200/2015/TT-BTC**

**HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ GIÁM SÁT ĐẦU TƯ VỐN NHÀ NƯỚC VÀO DOANH NGHIỆP, GIÁM SÁT TÀI CHÍNH, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ CÔNG KHAI THÔNG TIN TÀI CHÍNH CỦA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC**

**Điều 12. Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp**

Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp căn cứ vào các tiêu chí quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP, trong đó:

Bao gồm 6 tiêu chí đánh giá sau:

1. ***Tổng doanh thu***: chỉ tiêu tổng doanh thu được xác định tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 - DN ban hành theo Thông tư số [200/2014/TT-BTC](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=200/2014/TT-BTC&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) bao gồm Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (Mã số 10) + Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21) + Thu nhập khác (Mã số 31).

Đối với những doanh nghiệp sản xuất sản phẩm chủ yếu của nền kinh tế gồm: điện, than, dầu khí, xi măng thì tính theo sản lượng sản phẩm tiêu thụ trong kỳ; Đơn vị để tính sản lượng của sản phẩm dầu thô là tấn, khí là m3, than, xi măng là tấn, điện là kwh.

Doanh thu: là luồng tiền thu được sau khi doanh nghiệp bán các sảm phẩm và dịch vụ của mình.

Trong kinh tế học, doanh thu thường được xác định bằng giá bán nhân với sản phẩm

*Doanh thu= Sản lượng tiêu thụ\*Giá bán*

Đây là một trong những chỉ tiêu quan trọng phản ánh kết quả kinh doanh của DN. Doanh thu tăng góp phần làm chi phí lợi nhuận tăng. Theo công thức trên, doanh thu tăng trong 3 trường hợp:

* **Sản lượng tiêu thụ tăng, giá bán giữ nguyên (hoặc giảm) nhưng**

**tỷ lệ giảm của giá < tỷ lệ tăng của sản lượng tiêu thụ**

*Điều này chúng ta thường hay gặp khi DN thực hiện chiến lược khuyến mãi giảm giá sản phẩm, điều này khiến lượng sp tiêu thụ tăng, và doanh thu tăng.*

* **Giá tăng, sảm lượng tiêu thụ không đổi ( hoặc giảm) nhưng tỷ lệ giảm của sản lượng < tỷ lệ tăng của giá**

*Điều này chúng ta thường gặp khi 1 loại hàng hoá nào đó khủng hoảng về nguồn cung hoặc là độc quyền. Ví dụ như xăng dầu, điện,…Trong một số thời gian về trước, do sự khan hiếm dầu mỏ đã kéo theo giá dầu thô tăng lên, nên giá xăng dầu tại Việt Nam tăng lên mặc dù sản lượng tiêu thụ xem như là không đổi, và điều này khiến doanh thu về xăng dầu tăng lên đáng kể*

* **Giá tăng, sản lượng tăng**

*Điều này ít gặp trong nền kinh tế thị trường nhưng không có nghĩa là không xảy ra. Hầu hết nó diễn ra trong các loại hàng hoá độc quyền ví dụ như điện, nước,..*

*Tuy nhiên nói như vậy không có nghĩa là khi doanh thu tăng lên thì chứng tỏ DN làm ăn hiệu quả. Doanh thu tăng nhiều khi do giá bán thị trường tăng, nhưng giá bán tăng có thể do một số tác động như: lạm phát, đầu cơ,..những yếu tố này làm cho doanh thu tăng, nhưng hoạt động kinh doanh được xem là không hiệu quả*

*Hơn nữa, khi doanh thu tăng lên do sản lượng tăng, nhưng cũng vì vậy mà kéo theo chi phí sản xuất tăng lên. Nếu tốc độ tăng của chi phí sản xuất > tốc độ tăng của doanh thu, thì sẽ làm lợi nhuận của DN giảm. Do vậy trong trường hợp này, hoạt động kinh doanh của DN được đánh giá là không hiệu quả.*

 **Vì vậy, khi đánh giá chỉ tiêu doanh thu của DN phải có sự xem xét một cách đồng bộ tất cả những vấn đề trên.**

**Ví dụ: T**ập đoàn Vingroup

Doanh thu thuần tăng 23.566 tỷ đồng (tương đương 69%) so với năm 2015, trong đó
- Doanh thu chuyển nhượng bất động sản tăng 76% từ 21.179 tỷ đồng lên 37.296 tỷ đồng năm 2016
- Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư tăng trưởng 25% từ 2.655 tỷ đồng lên 3.322 tỷ đồng trong năm 2016
- Doanh thu dịch vụ khách sạn du lịch, vui chơi giải trí đạt 4.257 tỷ đồng trong năm 2016 tương đương tăng trưởng 49%
- Doanh thu dịch vụ bán lẻ tăng 115% từ 4.306 tỷ đồng năm 2015 lên 9.248 tỷ đồng năm 2016
- Lợi nhuận khác trong năm 2016 đạt 70 tỷ đồng

 **2. Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu:**

a) Lợi nhuận sau thuế: bao gồm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác sau khi trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại. Chỉ tiêu này được xác định tại Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh - Mã số 60 (Mẫu số B02 - DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp).

b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu được tính bằng tỷ lệ giữa lợi nhuận sau thuế so với vốn chủ sở hữu bình quân trong năm của doanh nghiệp.

Cách xác định lợi nhuận sau thuế như quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại doanh nghiệp được xác định tại Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp bao gồm: Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411), Quỹ đầu tư phát triển (Mã số 418), Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản (Mã số 422). Vốn chủ sở hữu bình quân năm được xác định bằng tổng số dư vốn chủ sở hữu cuối mỗi quý chia cho 4 quý.

Trường hợp tại thời điểm lập Báo cáo tài chính năm, doanh nghiệp chưa thực hiện phân phối trích lập các quỹ thì khi thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp phải cộng thêm số trích lập của Quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại tiết b khoản 3 Điều 31 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP vào chỉ tiêu vốn chủ sở hữu để làm căn cứ xác định tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu.

Ví dụ: Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu

- Lợi nhuận khác trong năm 2016 đạt 70 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn tăng trưởng mạnh mẽ từ 1.501 tỷ đồng năm 2015 lên 3.513 tỷ đồng năm 2016, tương đương mức tăng trưởng 134%, vượt 17% so với kế hoạch .

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (lần)

Năm 2016 2015

Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần 0.06 0.04

Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu 0.08 0.04

Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản 0.02 0.01

**3. Nợ phải trả quá hạn và khả năng thanh toán nợ đến hạn:**

a) Nợ phải trả quá hạn: Là các khoản nợ đã quá thời hạn cam kết thanh toán cho các chủ nợ. Việc xác định nợ phải trả quá hạn căn cứ vào thời hạn thanh toán ghi trên khế ước vay nợ, hợp đồng kinh tế hoặc các chứng từ cam kết khác.

b) Khả năng thanh toán nợ đến hạn: Khả năng thanh toán nợ đến hạn của doanh nghiệp là khả năng thanh toán hiện thời được xác định bằng tỷ lệ giữa tài sản ngắn hạn hiện có so với nợ ngắn hạn và được tính toán theo công thức sau:

Khả năng thanh toán nợ đến hạn = Tài sản ngắn hạn

 Nợ ngắn hạn

Trong đó:

- Tài sản ngắn hạn được xác định theo số dư cuối kỳ (Mã số 100 Bảng cân đối kế toán - Mẫu số B01 - DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp).

- Nợ ngắn hạn được xác định theo số dư cuối kỳ (Mã số 310 Bảng cân đối kế toán - Mẫu số B01 - DN ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp).

Ví dụ:

Nợ phải trả quá hạn, khả năng thanh toán nợ đến hạn

- Tổng Nợ phải trả năm 2016 ở mức 135.184 tỷ đồng, tăng 27.215 tỷ đồng so với mức 107.969 tỷ đồng đầu kỳ

- Tổng nợ vay của Tập đoàn tăng 2.829 tỷ đồng từ 36.930 tỷ đồng năm 2015 lên 39.759 tỷ đồng năm 2016, trong đó nợ vay ngắn hạn tăng mạnh 4.166 tỷ đồng. Nợ dài hạn giảm 1.336 tỷ đồng

- Tỷ lệ nợ vay đều đang ở mức rất an toàn so với bình quân các doanh nghiệp bất động sản trong khu vực

**4. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách pháp luật:**

a) Chế độ, chính sách pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác, việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra.

b) Việc chấp hành chế độ, chính sách, pháp luật là chấp hành đúng quy định, không có những hành vi thực hiện sai, bỏ sót, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời hoặc không thực hiện.

c) Những hành vi vi phạm bao gồm hành vi của tổ chức, cá nhân dưới danh nghĩa tổ chức hoặc của viên chức quản lý doanh nghiệp gây ra.

**Ví dụ:** Chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính

Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng từ 1.678 tỷ

đồng năm 2015 lên 7.367 tỷ đồng năm 2016 chủ yếu

do Tập đoàn triển khai phát triển nhiều dự án bất động

sản, dẫn tới giá trị tền sử dụng đất và tền thuê đất phải

nộp tăng mạnh trong kỳ. Trong năm 2016, Tập đoàn đã

thực hiện nộp ngân sách 9.037 tỷ đồng giá trị thuế và các

khoản phải nộp Nhà nước

**5. Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích:**

Thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích là việc trực tiếp thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh hoặc sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công theo chính sách của Nhà nước thông qua hình thức đấu thầu hoặc nhận đặt hàng hoặc nhận nhiệm vụ Nhà nước giao. Việc đánh giá chỉ tiêu này căn cứ vào mức độ hoàn thành về sản lượng và chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Căn cứ vào lĩnh vực hoạt động, chuyên ngành, tính đặc thù, cơ quan đại diện chủ sở hữu đưa ra các tiêu chí đánh giá cho phù hợp.

**Ví dụ:** Tình hình thực hiện sản phẩm, dịch vụ công ích

- Qũy Thiện Tâm đánh dấu 10 năm thành lập (Quỹ Thiện Tâm là một tổ chức phi lợi nhuận thuộc Tập đoàn Vingroup, hoạt động vì mục đích nhân đạo, từ thiện, nhằm chuyển tải một cách nhanh chóng và hiệu quả nhất tấm lòng của người Vingroup đến với cộng đồng )

- Vingroup liên kết với 1000 hợp tác xã và hộ nông dân cung ứng nông sản sạch và an toàn

- EDURUN 2016: Hơn 10.000 người chạy để gây quỹ xây dựng trường cho học sinh nghèo Quảng Trị

- Quỹ VINTALENT hỗ trợ tài năng trẻ trên toàn quốc

**6**. Khi tính các chỉ tiêu quy định tại khoản 1, 2, 4, 5 Điều 12 Thông tư này được loại trừ những ảnh hưởng của các yếu tố theo quy định tại khoản 2 Điều 28 Nghị định số 87/2015/NĐ-CP

Các tiêu chí 1, 2, 4, 5 nêu trên khi tính toán được xem xét, loại trừ các yếu tố tác động: do nguyên nhân khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác; do đầu tư mở rộng phát triển sản xuất theo quy hoạch, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trong hai năm đầu kể từ năm đưa công trình đầu tư vào sử dụng; do Nhà nước điều chỉnh giá (đối với sản phẩm do Nhà nước định giá) làm ảnh hưởng đến doanh thu của doanh nghiệp hoặc phải thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Đối với doanh nghiệp được thành lập và thực tế hoạt động thường xuyên ổn định và chủ yếu là cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, việc xếp loại doanh nghiệp căn cứ vào từng tiêu chí 1, 3, 4 và tiêu chí 5 nêu trên.

Căn cứ các tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp, cơ quan đại diện chủ sở hữu giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng doanh nghiệp. Các chỉ tiêu này phải giao cho doanh nghiệp bằng văn bản trước ngày 30 tháng 4 của năm kế hoạch và không được điều chỉnh trong suốt kỳ thực hiện kế hoạch (trừ các trường hợp bất khả kháng lớn).

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hằng năm của doanh nghiệp phải được lập căn cứ vào kế hoạch chiến lược của doanh nghiệp, xu hướng phát triển của ngành, các thay đổi về mặt pháp lý, kết quả hoạt động của năm trước, các nhiệm vụ chiến lược hoặc các nhiệm vụ được giao trong năm kế hoạch, các điều kiện bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Kế hoạch hằng năm phải bao gồm các mục tiêu tài chính cụ thể.

Việc đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp thực hiện trên cơ sở so sánh giữa kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được cơ quan đại diện chủ sở hữu giao với kết quả thực hiện.

Kết quả đánh giá và xếp loại doanh nghiệp được phân loại: Doanh nghiệp xếp loại A, doanh nghiệp xếp loại B, doanh nghiệp xếp loại C theo mức độ hoàn thành các chỉ tiêu đánh giá do cơ quan đại diện chủ sở hữu giao cho từng doanh nghiệp.